

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức bồi dưỡng và khoản kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, khu dân cư; khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, ở thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Dân quân tự vệ năm 2019; Pháp lệnh Công an xã năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức bồi dưỡng và khoản kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư; khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương; báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người

hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (*xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã*), ở thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương, bao gồm:

a) Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, khu dân cư;

b) Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư;

c) Quy định chức danh, số lượng, mức bồi dưỡng của từng chức danh, mức bồi dưỡng kiêm nhiệm chức danh đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, khu dân cư.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư;

b) Người trực tiếp tham gia công việc của thôn, khu dân cư ngoài chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư;

c) Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; ở thôn, khu dân cư.

Điều 2. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Chức danh

Mỗi đơn vị hành chính cấp xã có 19 chức danh người hoạt động không chuyên trách đối với xã, thị trấn; 20 chức danh người hoạt động không chuyên trách đối với phường, gồm các chức danh:

a) Trưởng ban Tuyên giáo;

b) Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;

c) Trưởng khối Dân vận;

d) Trưởng ban Thanh tra nhân dân;

đ) Phó Trưởng ban Tuyên giáo;

e) Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;

g) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra;

h) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;

i) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;

k) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên;

l) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;

m) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

n) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;

o) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;

p) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;

- q) Trưởng Đài Truyền thanh;
- r) Phó trưởng Đài Truyền thanh;
- s) Trưởng ban Thú y;
- t) Phó Trưởng ban Thú y (*đối với xã, thị trấn*);
- u) Trưởng ban Bảo vệ dân phố (*đối với phường*);
- v) Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố (*đối với phường*).

2. Số lượng

Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:

- a) Cấp xã loại I: Bố trí tối đa 12 người;
- b) Cấp xã loại II: Bố trí tối đa 11 người;
- c) Cấp xã loại III: Bố trí tối đa 10 người.

3. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã (*chi tiết phụ lục 01 kèm theo*)

4. Quỹ phụ cấp hàng tháng

Thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp, cụ thể:

- Cấp xã loại I: 16,0 lần mức lương cơ sở;
- Cấp xã loại II: 13,7 lần mức lương cơ sở;
- Cấp xã loại III: 11,4 lần mức lương cơ sở.

5. Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, (*gồm: Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh*).

- Cấp xã loại I: 10 triệu đồng/tổ chức/năm;
- Cấp xã loại II: 9 triệu đồng/tổ chức/năm;
- Cấp xã loại III: 8 triệu đồng/tổ chức/năm.

Điều 3. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, khu dân cư

1. Về chức danh, số lượng

Mỗi thôn, khu dân cư bố trí không quá 03 người đảm nhiệm 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư, gồm:

- a) Bí thư chi bộ thôn, khu dân cư;
- b) Trưởng thôn, Trưởng khu dân cư;
- c) Trưởng ban công tác Mặt trận tổ quốc thôn, khu dân cư.

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư:

a) Đối với thôn:

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng theo phân loại quy mô hộ gia đình của thôn	
		Có quy mô số hộ gia đình dưới 350 hộ	Có quy mô số hộ gia đình từ 350 hộ trở lên, thôn trọng điểm về an ninh trật tự
1	Bí thư Chi bộ thôn	1,1	1,8
2	Trưởng thôn	1,1	1,8
3	Trưởng Ban công tác mặt trận thôn	0,8	1,4

b) Đối với khu dân cư:

TT	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Bí thư Chi bộ khu dân cư	1,1
2	Trưởng khu dân cư	1,1
3	Trưởng Ban công tác mặt trận khu dân cư	0,8

3. Quỹ phụ cấp hàng tháng

Ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp để chi trả phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, khu dân cư như sau:

a) Thôn có dưới 350 hộ gia đình được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 lần mức lương cơ sở;

b) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được khoán quỹ phụ cấp bằng 5,0 lần mức lương cơ sở;

c) Khu dân cư được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 lần mức lương cơ sở.

4. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, khu dân cư (*Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh*):

- Chi hội thuộc thôn, khu dân cư có dưới 350 hộ: 3 triệu đồng/tổ chức/năm;

- Chi hội thuộc thôn, khu dân cư có từ 350 hộ trở lên: 4 triệu đồng/tổ chức/năm.

(Trong đó: 60% phụ cấp của chi hội trưởng và 40% chi cho hoạt động)

Điều 4. Quy định số lượng, chức danh, mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, khu dân cư

1. Số lượng

Mỗi thôn, khu dân cư được bố trí tối đa không quá 02 người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, khu dân cư.

2. Chức danh, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, khu dân cư:

Những người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, khu dân cư được hưởng mức bồi dưỡng tối đa theo quy định (*chi tiết phụ lục số 02 kèm theo*).

Điều 5. Việc bố trí kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư; mức bồi dưỡng đối với người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư

1. Việc bố trí, sắp xếp, phân công nhiệm vụ công tác đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư, người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư và việc bố trí kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư, người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư (*chi tiết phụ lục 03,04 kèm theo*), trong đó:

a) Cán bộ, công chức cấp xã được bố trí kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư và người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư được bố trí kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư và người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư.

d) Người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư được bố trí kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người tham gia công việc trực tiếp ở thôn, khu dân cư.

2. Mức phụ cấp (*hoặc mức bồi dưỡng*) kiêm nhiệm:

a) Cán bộ, công chức cấp xã được bố trí kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của các chức danh kiêm nhiệm.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư được bố trí kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư, chức danh người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư; kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm, được hưởng 70% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm thứ nhất, 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm thứ hai.

c) Người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư được kiêm nhiệm chức danh người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm, được hưởng 70% mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm thứ nhất, 50% mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm thứ hai.

d) Phụ cấp (*hoặc mức bồi dưỡng*) kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 6. Chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư ngoài chế độ phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm và chế độ bồi dưỡng hàng tháng còn được hưởng các chế độ, chính sách sau:

1. Chế độ, chính sách hỗ trợ khi nghỉ công tác

- Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư: Trường hợp nghỉ công tác do thực hiện sáp nhập, hợp nhất hoặc dời dư do bố trí, sắp xếp thì được hưởng hưởng 03 tháng phụ cấp hiện hưởng (*không tính phụ cấp kiêm nhiệm*) và tiếp tục được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế (*nếu đang thực hiện*) theo quy định cho đến hết ngày 31/12 của năm mà đối tượng thôi tham gia công tác. Trường hợp tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc, được thực hiện chính sách theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Riêng đối với Công an viên có 15 năm công tác liên tục trở lên, nghỉ công tác vì lý do chính đáng thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã. Phó chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên, khi nghỉ việc thì được trợ cấp một lần theo Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019 của Quốc hội Khóa 14.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư đang công tác nếu từ trần thì người lo mai táng được hưởng chế độ mai táng phí 3.000.000 đồng/người (trừ các đối tượng đã được hưởng mai táng phí theo quy định khác).

2. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bắt buộc; mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động là đối tượng không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Nguồn kinh phí thực hiện mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, khu dân cư theo quy định này được trích từ đoàn phí, hội

phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ hợp pháp khác (nếu có). Trường hợp kinh phí chi trả mà chưa đảm bảo theo quy định thì ngân sách xã, phường, thị trấn hỗ trợ theo quy định hiện hành (được cân đối trong dự toán ngân sách của xã, phường, thị trấn hàng năm)

3. Mức phụ cấp (mức bồi dưỡng) hàng tháng (bao gồm cả BHXH, BHYT) và phụ cấp (mức bồi dưỡng) kiêm nhiệm chức danh của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư, những người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, khu dân cư được tính theo mức lương cơ sở do nhà nước quy định; khi mức lương cơ sở thay đổi thì mức phụ cấp (mức bồi dưỡng) được điều chỉnh tương ứng.


Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI về việc quy định mức phụ cấp, khoán số lượng, định mức kinh phí chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh cần xem xét giải quyết kịp thời theo quy định, (Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2020. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương; Trang TTĐT HĐND tỉnh, Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT.

(đề b/c)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hiến

PHỤ LỤC 01



**CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP HÀNG THÁNG
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng		
		Xã loại 1	Xã loại 2	Xã loại 3
1	Trưởng ban Tuyên giáo	0,9	0,75	0,65
2	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	0,9	0,75	0,65
3	Trưởng khối Dân vận	0,9	0,75	0,65
4	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	0,6	0,5	0,4
5	Phó trưởng ban Tuyên giáo	0,75	0,65	0,55
6	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra	0,75	0,65	0,55
7	Ủy viên Ủy ban kiểm tra	0,5	0,4	0,4
8	Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự	1,35	1,1	0,8
9	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ	0,75	0,65	0,55
10	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0,75	0,65	0,55
11	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,75	0,65	0,55
12	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,75	0,65	0,55
13	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,75	0,65	0,55
14	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,75	0,65	0,55
15	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,75	0,65	0,55
16	Trưởng Đài truyền thanh	1,1	0,9	0,7
17	Phó Trưởng Đài truyền thanh	0,9	0,8	0,6
18	Trưởng Ban Thú y	1,2	1,1	0,85
19	Phó Trưởng Ban Thú y (đối với xã, thị trấn)	0,9	0,8	0,75
20	Trưởng Ban Bảo vệ dân phố (đối với phường)	0,55	0,45	0,4
21	Phó Trưởng Ban Bảo vệ dân phố (đối với phường)	0,35	0,35	0,35
Tổng số		16,0	13,7	11,4

PHỤ LỤC 02

**CHỨC DANH, MỨC BỒI DƯỠNG
NGƯỜI THAM GIA TRỰC TIẾP CÔNG VIỆC Ở THÔN, KHU DÂN CƯ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

TT	Chức danh	Mức bồi dưỡng/tháng
1	Phó Trưởng thôn, khu dân cư	0,7
2	Công an viên (đối với thôn)	1,0
3	Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố (đối với KDC)	0,5
4	Thôn đội trưởng, khu đội trưởng	0,7

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

PHỤ LỤC 03**CÁC CHỨC DANH KIỂM NHIỆM Ở CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Bí thư Đảng ủy kiêm Trưởng ban Tuyên giáo.
2. Phó Bí thư thường trực Đảng ủy phụ trách công tác tổ chức kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra và Trưởng khối Dân vận.
3. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc kiêm Trưởng ban Thanh tra nhân dân.
4. Ủy viên Ủy ban Kiểm tra do những người hoạt động không chuyên trách kiêm.
5. Đối với cấp phó của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, mỗi chức danh chỉ bố trí 01 người; định hướng bố trí kiêm nhiệm các chức danh:
Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội này có thể kiêm Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội khác hoặc kiêm Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Chủ tịch Hội người cao tuổi, Phó ban Tuyên giáo; Phó trưởng Đài Truyền thanh xã *(nếu có chuyên môn phù hợp)* có thể kiêm Bí thư chi bộ hoặc Trưởng, Phó thôn, khu dân cư.
6. Cán bộ, công chức cấp xã định hướng bố trí kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách cấp xã và thôn, khu dân cư phù hợp với lĩnh vực quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG



PHỤ LỤC 04

CÁC CHỨC DANH KIÊM NHIỆM Ở THÔN, KHU DÂN CƯ

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, khu dân cư.
2. Trưởng thôn, khu dân cư hoặc Phó thôn, khu dân cư kiêm Thôn đội trưởng, khu đội trưởng...
3. Trưởng Ban công tác Mặt trận kiêm Phó thôn, khu dân cư hoặc Công an viên (trong trường hợp Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, khu dân cư).
4. Phó thôn, khu dân cư kiêm Công an viên hoặc Tổ trưởng bảo vệ dân phố...

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG